

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ JÚT  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/DS-ST

Ngày 04-8-2022

“*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lộc Thị Vinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Thơm

2. Bà Nguyễn Thị Thuận.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Thê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Quý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04/8/2022 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 150/2021/TLST – DS ngày 29 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST – DS ngày 16/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2022/QĐST - DS ngày 01/7/2022 và Thông báo dời thời gian xét xử số 89/TB-TA ngày 18/7/2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Vũ Thị L, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

**- Bị đơn:** Bà Hoàng Thị C

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ Thị L trình bày: Do quen biết nhau nên ngày 01/10/2020 bà L có cho bà Hoàng Thị C vay số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), hai bên viết giấy vay tiền, thỏa thuận: bà L cho bà C vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất vay 3.000.000 đồng /tháng , không thỏa thuận thời hạn trả; trong giấy vay tiền ghi như vậy nhưng các bên thỏa thuận bằng miệng lãi 2000 đồng/1triệu/ngày, bà C hẹn sau 10 ngày sẽ trả, mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng. Đến hạn trả nợ bà L nhiều lần đến nhà bà C yêu cầu trả tiền nhưng bà C không trả. Sau đó, bà L có yêu cầu Công an xã N, huyện C giải quyết. Tại biên bản làm việc ngày 08/4/2021 bà C thừa nhận là có vay của bà L số tiền

200.000.000 đồng, nhưng do bà C không có tiền trả nên giữa bà L và bà C đã thỏa thuận: Bà C bán cho bà L 05 mét đất thổ cư ở Thôn B, xã N, huyện C để cầm trả nợ. Sau đó, hai bên có ra Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai làm thủ tục chuyển nhượng đất, nhưng do phía bà C không tách được thửa nên các bên không làm thủ tục chuyển nhượng được. Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thị C phải trả số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 08/4/2021 là 15.000.000 đồng, tổng là 215.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà L xin rút yêu cầu tính lãi 15.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà Hoàng Thị C phải trả số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Bị đơn bà Hoàng Thị C: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cư Jút đã nhiều lần gửi, giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do nên vụ án không hòa giải được.

Ngày 16/5/2022 Tòa đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, phiên tòa mở vào ngày 01/7/2022 bà C vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) đã hoãn phiên tòa. Sau khi có thông báo dời lịch xét xử, ngày 04/8/2022 phiên tòa được mở lại nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Toàn bộ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo dời lịch xét xử đều được tổng đạt hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 02, nên HĐXX xét xử vắng mặt bà C là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Hoàng Thị C phải trả cho bà Vũ Thị L số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1] . Về tố tụng:

- Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Vũ Thị L khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thị C có địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông trả số tiền 200.000.000 đồng mà bà C đã vay và yêu cầu trả tiền lãi tính đến 08/4/2021 là 15.000.000 đồng . Vì

vậy, quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hạn giải quyết vụ án: Vụ án được thụ lý ngày 29/12/2021, ngày 16/5/2022 vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án được giải quyết trong hạn luật định.

[2]. Về nội dung: Hợp đồng vay tài sản giữa bà Vũ Thị L và bà Hoàng Thị C là hoàn toàn có thật, điều đó được thể hiện qua giấy vay tiền ngày 01/10/2020 mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ bản gốc có chữ ký của bà C. Mặt khác, tại biên bản làm việc ngày 08/4/2021 tại Công an xã N bà C thừa nhận là có vay của bà L số tiền gốc 200.000.000 đồng.

Xét hợp đồng vay tài sản được xác lập giữa bà L và bà C bằng Giấy vay tiền ngày 01/10/2020 có nội dung: vay số tiền 200.000.000đ, thỏa thuận về lãi nhưng thời hạn trả nợ không thỏa thuận cụ thể; xét nội dung của hợp đồng: thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định của pháp luật. Xét lời khai của bà L cho rằng các bên có thỏa thuận bằng miệng lãi suất 2000đồng/01triệu/ngày, hẹn sau 10 ngày sẽ trả; bà L không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ.

HĐXX xác định Giấy vay tiền ngày 01/10/2020 được lập giữa bà L và bà C là hợp đồng vay có lãi và không có kỳ hạn theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015 quy định:

“*Điều 463. Hợp đồng vay tài sản*

*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định:

“*Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay*

*1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*  
*2.....”.*

Tại khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự quy định:

“*Thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn*

*1. ....*

*2. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp l và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản, còn bên vay cũng có quyền trả lại tài sản*

*bất cứ lúc nào và chỉ phải trả lãi cho đến thời điểm trả nợ nhưng cũng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý.”*

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng bà C vẫn vắng mặt, bà C phải chịu hậu quả về việc không chứng minh để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tới thời điểm xét xử, bà C vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Tại phiên tòa, bà Vũ Thị L rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền bà C còn nợ, xét thấy việc rút yêu cầu của bà L là tự nguyện, không trái pháp luật nên HĐXX cần áp dụng khoản 2 Điều 244 của BLTTDS: đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà L là có cơ sở: buộc bà Hoàng Thị C phải trả cho bà Vũ Thị L số tiền gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

[4]. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 200.000.000đ là:  $200.000.000đ \times 5\% = 10.000.000đ$  (Mười triệu đồng). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 10.000.000đ.

Hoàn trả nguyên đơn số tiền 5.375.000đ (Năm triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003595 ngày 29/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 235; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L.

**1.** Buộc bà Hoàng Thị C phải trả bà Vũ Thị L số tiền gốc là 20.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà Hoàng Thị C không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, bà Vũ Thị L có quyền yêu cầu thi hành án. Từ khi có đơn yêu cầu thi hành án thì áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

**2.** Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

**3.** Về án phí: Buộc bà Hoàng Thị C phải nộp 10.000.000đ (Mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Vũ Thị L số tiền 5.375.000đ (Năm triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003595 ngày 29/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

**4. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lộc Thị Vinh**

Số: 74/2022/QĐ-SCBSBA

*Cư Jút, ngày 29 tháng 8 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM**

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do: có sự thiếu sót về số liệu khi phát hành bản án, trong Bản án số: 16/2022/DS-ST ngày 04/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị L, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị C

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

**QUYẾT ĐỊNH:**

Sửa chữa, bổ sung Bản án số: 16/2022/DS-ST ngày 04/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông như sau:

Tại dòng thứ 06, 07 từ dưới lên, trang thứ 04 của bản án đã ghi: “1. Buộc bà Hoàng Thị C phải trả bà Vũ Thị L số tiền gốc là 20.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “1. Buộc bà Hoàng Thị C phải trả bà Vũ Thị L số tiền gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).”

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh Đắk Nông;*
- *VKSND huyện Cư Jút;*
- *CCTHADS huyện C;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**Lộc Thị Vinh**